

21

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821102)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: ...30

Số bài thi:30

Số tờ giấy thi: ...30

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật	An	04/05/2005	CCQ2305D	1		7,2	9,5	5,0	
2	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	29/10/2005	CCQ2305D						
3	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	CCQ2305D						
4	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	1		8,2	9,5	5,4	
5	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	1		8,0	8	8,0	
6	2123050171	Nào Văn	Diên	02/05/2005	CCQ2305D	1		7,2	4,5	5,6	
7	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	1		0,0	0,0	0,0	
8	2123050189	Lê Thanh	Đồng	18/06/2005	CCQ2305D	1		8,3	4,5	6,0	
9	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	1		8,2	4	5,7	
10	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1		8,2	2,5	4,8	
11	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	1		7,7	4	5,5	
12	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2305D	1		7,2	1,5	3,8	
13	2123050167	Đặng Đức	Duy	08/11/2005	CCQ2305D	1		8,0	4	5,6	
14	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E	1		8,0	6	6,8	
15	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	CCQ2305D	1		7,9	5,5	6,2	
16	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	CCQ2305C	1		7,3	8	7,7	
17	2123050146	Lê Tuấn	Hào	21/12/2005	CCQ2305D						
18	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	1		8,2	1,5	4,2	
19	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	1		8,5	7,5	7,9	
20	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	1		8,2	2,5	4,8	
21	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	1		8,5	3	5,2	
22	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	1		8,3	2,5	4,8	
23	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	1		7,8	3	4,9	
24	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	CCQ2305C	1		7,8	7,5	7,6	
25	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	1		5,3	3	3,9	
26	2123050190	Trần Hữu Nam	Khánh	19/11/2005	CCQ2305D	1		7,3	6,5	6,8	
27	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	1		7,8	4,5	5,8	
28	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	1		7,8	5	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Dương Nguyễn Thị Hoàng
Trần Thị Hương
Nguyễn Văn

Môn học: Cung cấp điện (22821102)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050219	Phan Trọng	Khôi	04/07/2005	CCQ2305E						
30	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	1	<i>Sam Sam</i>	9,3	7,5	8,2	
31	2123050198	Phạm Thanh	Liên	23/08/2004	CCQ2305E						
32	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	CCQ2305D	1	<i>Trúc</i>	7,2	2	4,1	
33	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C	1	<i>Luận</i>	8,2	4,5	6,0	
34	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	1	<i>Luân</i>	7,0	5	5,8	
35	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	1	<i>m</i>	8,3	7	7,5	
36	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D						

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821102)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050141	Vũ Xuân	Nguyễn	16/11/2005	CCQ2305D					
2	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	1	Nhật	6,5	0	2,6
3	2123050100	Nguyễn Trung	Niên	16/12/2004	CCQ2305C					
4	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	1	Ninh	7,8	0	3,2
5	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	19/01/2004	CCQ2305D	1	Phát	7,7	2,5	4,6
6	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong	10/09/2005	CCQ2305C			4,3		
7	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1	Phúc	4,5	4	4,2
8	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	1	Phúc	8,3	0,5	3,6
9	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	CCQ2305C	1	Phúc	7,5	6	6,6
10	2123050147	Phạm Huỳnh	Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	1	Phúc	7,8	3	4,9
11	2123050227	Bảo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E			7,5		
12	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	1	Quân	7,8	0	3,2
13	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1	Quang	7,3	0	2,9
14	2123050107	Phạm Huỳnh	Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	1	Quốc	8,3	5,5	6,6
15	2123050158	Quảng Đại	Sang	19/10/2005	CCQ2305D	1	Sang	8,2	8,5	8,4
16	2123050230	Trịnh Công	Son	11/10/2005	CCQ2305E					
17	2123050090	Đỗ Nhật	Tân	19/04/2005	CCQ2305C	1	Tân	8,0	0	3,2
18	2123050157	Trương Ngọc	Thái	04/09/2005	CCQ2305D	1	Thái	7,3	5	5,9
19	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1	Thanh	7,5	2,5	4,5
20	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C	1	Thành	7,7	0	3,2
21	2123050191	Võ Triệu	Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	1	Thiên	8,3	9,5	9,0
22	2123050223	Trần Nhật	Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E	1	Thịnh	8,2	0	3,3
23	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C					
24	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E					
25	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	1	Tiến	8,3	9,5	9,0
26	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	1	Toàn	7,8	2,5	4,6
27	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	1	Toàn	8,0	1	3,8
28	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	1	Trọng	7,3	3	4,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821102)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050164	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/06/2005	CCQ2305D	1	<i>Trung</i>	7,5	6,5	6,9	
30	2123050148	Bùi Đan	Trường	13/04/2005	CCQ2305D	1	<i>Trường</i>	8,2	0,5	3,6	
31	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	1	<i>Tuấn</i>	8,3	6	6,9	
32	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	1	<i>Trần</i>	7,8	0	3,1	
33	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	1	<i>tuy</i>	8,0	3,5	5,3	
34	2123050154	Lê Tiến Anh	Việt	03/07/2005	CCQ2305D	1	<i>Việt</i>	7,2	0,5	3,2	
35	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	1	<i>Vọng</i>	8,3	5,5	6,6	
36	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	1	<i>vũ</i>	8,3	6,5	7,2	